

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1975/2023/DS-ST
Ngày: 20/6/2023
V/v tranh chấp Hợp đồng mua
bán điện

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước
2. Ông Cao Quốc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 818/2022/DSST về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1176/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2664/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng công ty Đ.

Địa chỉ: Đường T, Phường B, Quận X, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Phú L theo Giấy ủy quyền số 1199/UQ-PCTĐ ngày 15/06/2022. Địa chỉ: Phường T, thành phố T, TP Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Thanh L

Địa chỉ: Đường Đ, Phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hồ Phú L có đơn xin xử vắng mặt, ông Phan Thanh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng Công ty Đ (viết tắt Tổng Công ty Điện lực), có ông Hồ Phú L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, Tổng công ty Đ, đại diện: Chi nhánh Tổng Công ty Đ – Công ty Điện lực TĐ và ông Phan Thanh L có ký hợp đồng mua bán điện với mục đích sử dụng sinh hoạt số 18013456, vị trí đặt công tơ Đường Đ, Phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, điện kế: PE12000252536 gắn tại địa chỉ trên.

Trong quá trình sử dụng điện, ông Phan Thanh L nợ Chi nhánh Tổng công ty Đ – Công ty Điện lực TĐ 05 kỳ hóa đơn, từ kỳ 8/2021 đến kỳ 12/2021, cụ thể các tháng như sau:

- Tháng 7/2021: 2.374.712 đồng
- Tháng 8/2021: 2.708.093 đồng
- Tháng 9/2021: 2.744.741 đồng
- Tháng 10/2021: 3.884.751 đồng
- Tháng 11/2021: 2.680.583 đồng

Công ty Điện lực TĐ đã nhiều lần gửi thông báo vào các ngày 02/11/2021, ngày 20/01/2022 đề nghị Ông L thanh toán tiền điện nhưng không nhận được sự phản hồi. Ngày 08/02/2022, Công ty Điện lực TĐ đã gửi Thông báo ngừng cung cấp điện. Ông L phải thanh toán thêm phí ngừng cấp điện trở lại là 105.840 đồng. Tổng cộng số tiền mà Ông L còn nợ là 14.528.720 (*Mười bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

Nay, Tổng công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh L có nghĩa vụ: Thanh toán cho Chi nhánh Tổng ty Đ – Công ty Điện lực TĐ tiền mua điện tổng cộng là 14.528.720 (*Mười bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Phú L có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Phan Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án không

thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của Ông L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về mặt tố tụng:

Tổng công ty Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán điện, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 18013456 ngày 08/8/2018, thể hiện ông Phan Thanh L có địa chỉ ở Đường Đ, Phường P, Quận X(nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí đặt công tơ điện tại địa chỉ trên. Theo kết quả xác minh của Công an phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức theo Phiếu xác minh số 837/PYCXM ngày 10/02/2023 thì “*Không có địa chỉ Đường Đ, Phường P, Quận X(nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh*”. Theo khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/NQ – HĐTP/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “*địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở*”, do đó xác định địa chỉ Đường Đ, Phường P, Quận X(nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú của ông L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Nguyên đơn Tổng công ty Đ, có ông Hồ Phú L đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Phan Thanh L đã được Tòa án thực hiện tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa Ông L vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

[1] Việc triệu tập của Tòa án đối với ông Phan Thanh L về việc cung cấp lời khai, tham gia các phiên họp, phiên tòa nhưng Ông L không có ý kiến phản đối nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện không thuộc trường hợp phải chứng minh. Ông Phan Thanh L phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu mà Tổng Công ty Điện lực đưa ra.

[2] Phạm vi giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bị đơn và bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định: Ngày 08 tháng 8 năm 2018, Tổng công ty Đ, đại diện: Chi nhánh Tổng công ty Đ– Công ty Điện lực TĐ và ông Phan Thanh L có ký hợp đồng mua bán điện với mục đích sử dụng sinh hoạt, vị trí đặt công tơ Đường Đ, Phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, điện kế: PE12000252536 gắn tại địa chỉ trên. Như vậy, thỏa thuận tại các hợp đồng nêu trên không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền điện 05 kỳ hóa đơn liên tiếp, bao gồm:

- Tháng 7/2021: 2.374.712 đồng
- Tháng 8/2021: 2.708.093 đồng
- Tháng 9/2021: 2.744.741 đồng
- Tháng 10/2021: 3.884.751 đồng
- Tháng 11/2021: 2.680.583 đồng
- Phí ngừng cấp điện trở lại là 105.840 đồng.

Tổng cộng là 14.528.720 (*Mười bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định:

Theo điểm b Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện số 18013356 ngày 08/8/2018 thể hiện: “Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày bên A thông báo thanh toán lần đầu...”

Tổng công ty Đ, đại diện: Chi nhánh Tổng công ty Đ– Công ty Điện lực TĐ đã nhiều lần gửi thông báo vào các ngày 02/11/2021, ngày 20/01/2022 đề nghị Ông L thanh toán tiền điện nhưng không nhận được sự phản hồi. Như vậy, Ông L đã vi phạm thời hạn và nghĩa vụ thanh toán đã được các bên thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu nêu trên của Tổng Công ty Điện lực là có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phan Thanh L phải chịu án phí là 726.346 (bảy trăm hai mươi sáu trăm ngàn ba trăm bốn mươi sáu đồng). Hoàn trả cho Tổng công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 363.218 (ba trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm mười tám đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0006120 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 353; Điều 398; Điều 399, Điều 400; Điều 401 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 22; Điều 23; Khoản 4 Điều 27 và Điều 46 Luật Điện lực;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty Đ:

Ông Phan Thanh L có nghĩa vụ thanh toán số tiền điện còn thiếu là 14.528.720 (*Mười bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) cho Tổng Công ty Đ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Tổng Công ty Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Thanh L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng

Ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mức lãi suất được xác định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: ông Phan Thanh L phải chịu án phí là 726.346 (bảy trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng). Hoàn trả cho Tổng công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 363.218 (ba trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm mười tám đồng) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0006120 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Thủ Đức;
- THADS Thành phố Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Thủ Đức;
- THADS Thành phố Thủ Đức;
- TAND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga